

NĂM 2025

LÚA GẠO





MỤC LỤC

I. DIỄN BIẾN CUNG – CẦU LÚA GẠO	4
1.1. Bối cảnh cung cầu lúa gạo quốc tế	4
1.1.1. Sản xuất.....	4
1.1.2. Tiêu thụ.....	5
1.2. Tình hình sản xuất, tiêu thụ lúa gạo Việt Nam.....	7
1.2.1. Sản xuất.....	7
1.2.2. Tiêu thụ.....	8
1.3. Diễn biến giá cả lúa gạo thế giới	9
II. THƯƠNG MẠI LÚA GẠO	11
2.1. Bối cảnh thương mại gạo thế giới.....	11
2.1.1. Xuất khẩu.....	11
2.1.2. Nhập khẩu	12
2.2. Diễn biến xuất khẩu gạo Việt Nam.....	14
2.3. Diễn biến giá cả lúa gạo Việt Nam	15
2.3.1. Diễn biến giá xuất khẩu	15
2.3.2. Diễn biến giá gạo trong nước	15
2.4. Doanh nghiệp xuất khẩu gạo	16
III. MỘT SỐ CHÍNH SÁCH CÓ TÁC ĐỘNG ĐẾN NGÀNH GẠO TRONG NĂM 2025	18
3.1. Quốc tế	18
3.1.1. Philippines.....	18
3.1.2. Thái Lan	18
3.1.3. Ma-rốc.....	18
3.1.4. Indonesia.....	19
3.1.5. Kenya	19
3.2. Trong nước	20
3.2.1. Công điện về việc điều hành đảm bảo cân đối cung cầu lúa gạo trước diễn biến thị trường thế giới và trong nước.....	20



3.2.2. Công điện về việc tăng cường thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu và ổn định thị trường gạo.....	24
---	----

IV. TRIỂN VỌNG NGÀNH LÚA GẠO	28
---	-----------

4.1. Tình hình sản xuất và xuất khẩu của thế giới.....	28
4.2. Tình hình sản xuất và xuất khẩu của Việt Nam	29
4.3. Dự báo tình hình giá gạo năm 2026.....	30

**DANH MỤC HÌNH**

Hình 1: Sản lượng gạo thế giới, 2015/2016 – 2024/2025.....	4
Hình 2: Tỷ lệ sản lượng của 10 quốc gia sản xuất nhiều gạo nhất thế giới, 2024/2025.....	5
Hình 3: Tiêu thụ gạo thế giới, 2015/2016 – 2024/2025.....	6
Hình 4: Tỷ lệ sản lượng của 10 quốc gia tiêu thụ nhiều gạo nhất thế giới, 2024/2025.....	7
Hình 5: Tiêu dùng và tồn kho gạo của Việt Nam, 2015/2016 – 2024/2025.....	9
Hình 6: Giá gạo 5% tấm của Việt Nam, Thái Lan và Ấn Độ theo tuần, 2024 – 2025.....	10
Hình 7: Khối lượng xuất khẩu của 8 quốc gia xuất khẩu gạo nhiều nhất thế giới, 2023/2024 – 2024/2025	11
Hình 8: Xu hướng của 3 quốc gia xuất khẩu nhiều gạo nhất thế giới, 2015/2016 – 2024/2025	12
Hình 9: Khối lượng nhập khẩu của 8 quốc gia nhập khẩu gạo nhiều nhất thế giới, 2023/2024 – 2024/2025	13
Hình 10: Xu hướng của 3 thị trường nhập khẩu nhiều gạo nhất thế giới, 2015/2016 – 2024/2025	13
Hình 11: Lượng và kim ngạch xuất khẩu gạo Việt Nam, 2012 – 9T/2025	14
Hình 12: Giá gạo xuất khẩu trung bình hàng năm của Việt Nam, 2012 – 9T/2025.....	15
Hình 13: Giá lúa trung bình tại ĐBSCL theo tuần, 2024 – 2025.....	16
Hình 14: Dự báo sản lượng gạo toàn cầu từ 2015 đến 2034.....	28
Hình 15: Dự báo tiêu thụ gạo toàn cầu từ 2015 đến 2034	29
Hình 16: Dự báo giá gạo thế giới từ 2015 đến 2034	30



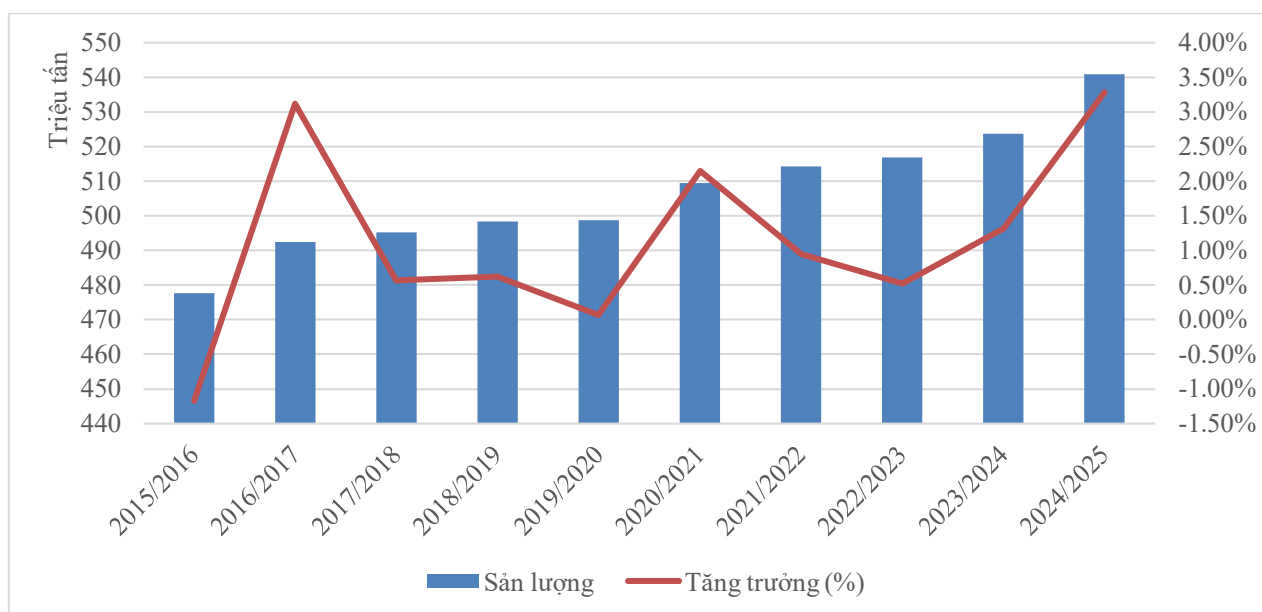
I. Diễn biến cung – cầu lúa gạo

1.1. Bối cảnh cung cầu lúa gạo quốc tế

1.1.1. Sản xuất

Theo số liệu thống kê USDA, sản xuất gạo trên toàn thế giới vẫn tăng trưởng đều trong vòng 10 năm trở lại đây, với tốc độ tăng trưởng bình quân năm đạt mức 1,1%/năm. Sản lượng niên vụ 2024/2025 ở mức 540,9 triệu tấn, tăng 3,3% so với mức 523,7 triệu tấn của niên vụ 2023/2024.

Hình 1: Sản lượng gạo thế giới, 2015/2016 – 2024/2025



Nguồn: USDA, 2025

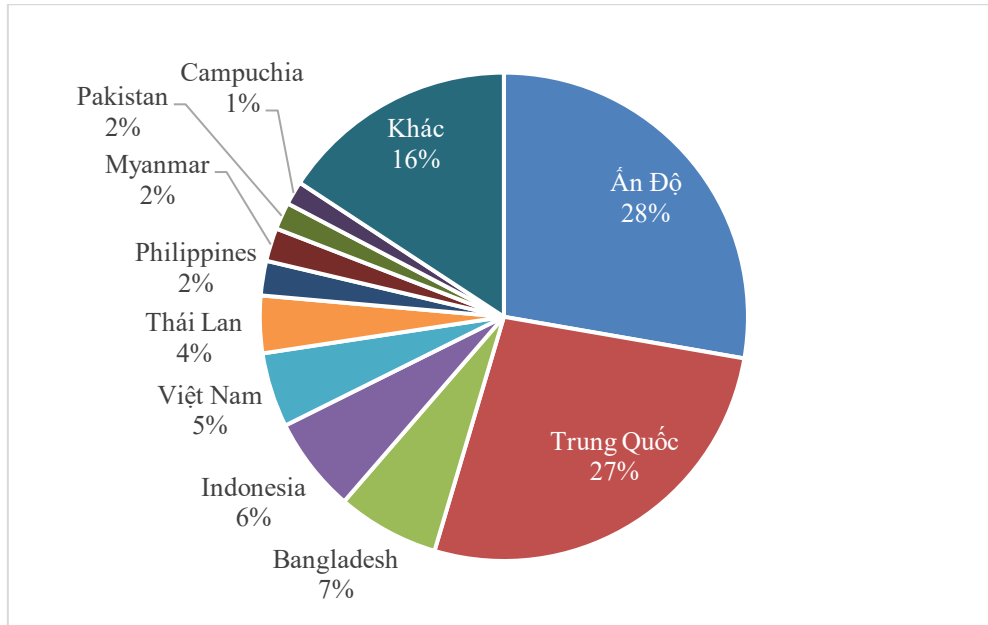
Trong đó, 10 quốc gia có sản lượng gạo lớn nhất bao gồm: Ấn Độ, Trung Quốc, Bangladesh, Indonesia, Việt Nam, Thái Lan, Philippines, Myanmar, Pakistan và Campuchia. Trong tất cả các quốc gia, Campuchia có tốc độ tăng trưởng sản lượng cao nhất trong kỳ 2015/2016 – 2024/2025 với 5,6%/năm, tiếp đến là Pakistan với 4,3%/năm và Ấn Độ với 3,6%/năm. Trong khi đó, Việt Nam và Myanmar giảm tăng trưởng khoảng 0,5%/năm, Indonesia giảm 0,4%/năm.

Tổng sản lượng gạo của 10 quốc gia đứng đầu này chiếm đến 84,2% tổng sản lượng gạo (đã xay xát) của toàn thế giới, đứng đầu là Ấn Độ với 150,0 triệu tấn (chiếm 27,7% tổng sản lượng gạo của thế giới), Trung Quốc với 145,3 triệu tấn (26,9%); tiếp đó, Bangladesh,



Indonesia, Việt Nam có sản lượng lần lượt là 36,6 triệu tấn (6,8%), 34,1 triệu tấn (6,3%) và 26,8 triệu tấn (4,9%).

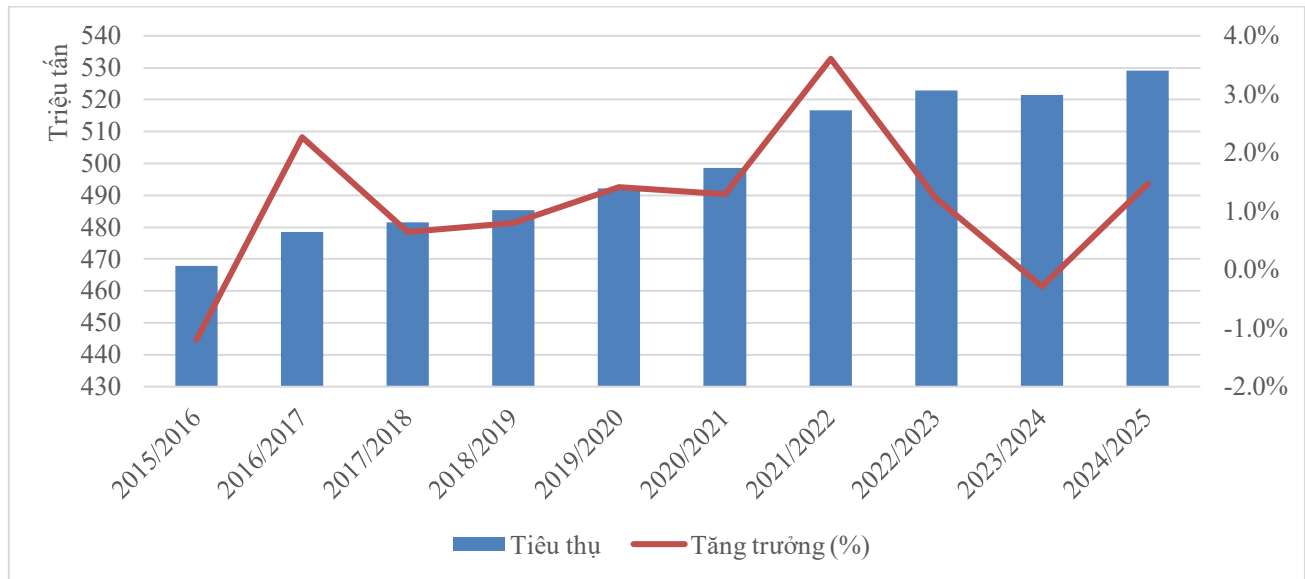
Hình 2: Tỷ lệ sản lượng của 10 quốc gia sản xuất nhiều gạo nhất thế giới, 2024/2025



Nguồn: USDA, 2025

1.1.2. Tiêu thụ

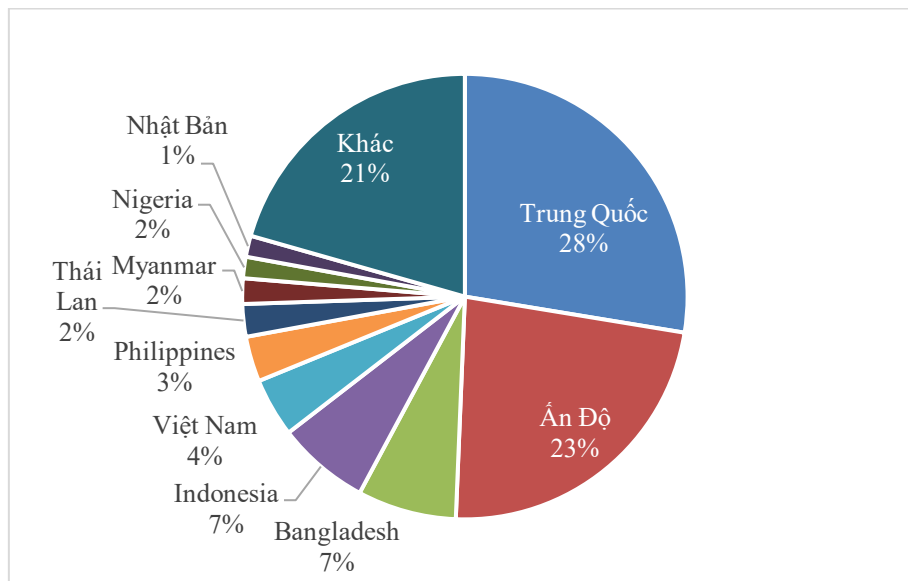
Theo số liệu thống kê USDA, tiêu thụ gạo trên toàn thế giới vẫn tăng trưởng đều trong vòng 10 năm trở lại đây, với tốc độ tăng trưởng bình quân năm đạt mức 1,1%/năm. Trong niên vụ 2024/2025, tiêu thụ gạo đạt 529,0 triệu tấn, tăng 1,5% so với niên vụ 2023/2024 trước đó là 521,4 triệu tấn.

**Hình 3: Tiêu thụ gạo thế giới, 2015/2016 – 2024/2025**

Nguồn: USDA, 2025

Trong đó, 10 quốc gia tiêu thụ gạo lớn nhất bao gồm: Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh, Indonesia, Việt Nam, Philippines, Thái Lan, Myanmar, Nigeria và Nhật Bản. Trong các quốc gia này, Ấn Độ có tốc độ tăng trưởng tiêu thụ gạo cao nhất trong kỳ 2015/2016 – 2024/2025 với tốc độ 4,8%/năm, tiếp đến là Philippines và Nigeria với mức tăng trưởng lần lượt là 3,6%/năm và 2,5%/năm. Trong khi đó, Indonesia, Trung Quốc, Myanmar và Nhật Bản giảm tăng trưởng tiêu thụ gạo, lần lượt là 1,9%/năm, 1,5%/năm, 1,0%/năm và 0,3%/năm.

Tổng tiêu thụ gạo của 10 quốc gia này chiếm đến 79,4% tổng tiêu thụ gạo của toàn thế giới, đứng đầu là Trung Quốc với 146,0 triệu tấn (chiếm 27,6% tổng tiêu thụ gạo của thế giới), Ấn Độ với 122,0 triệu tấn (23,1%); tiếp đó, Bangladesh, Indonesia và Việt Nam có lượng tiêu thụ lần lượt là 38,0 triệu tấn (7,2%), 35,5 triệu tấn (6,7%) và 22,6 triệu tấn (4,3%).

**Hình 4: Tỷ lệ sản lượng của 10 quốc gia tiêu thụ nhiều gạo nhất thế giới, 2024/2025***Nguồn: USDA, 2025*

1.2. Tình hình sản xuất, tiêu thụ lúa gạo Việt Nam

1.2.1. Sản xuất

Lúa Hè - Thu

Diện tích gieo trồng lúa Hè - Thu của cả nước năm 2025 ước đạt 1.898,3 nghìn ha, giảm 10,9 nghìn ha so với vụ Hè - Thu năm 2024. Trong đó các địa phương phía Bắc đạt 172,7 nghìn ha, giảm 1,1 nghìn ha; các địa phương phía Nam đạt 1.725,6 nghìn ha, giảm 9,8 nghìn ha (vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 1.239,1 nghìn ha, giảm 8,6 nghìn ha). Diện tích lúa Hè - Thu năm nay giảm so với vụ Hè - Thu năm trước chủ yếu do một số địa phương chuyển một phần diện tích lúa sang cây trồng khác cho hiệu quả kinh tế cao hơn. Một số địa phương có diện tích lúa Hè - Thu giảm nhiều: Đồng Tháp giảm 5,3 nghìn ha; Tây Ninh giảm 3,7 nghìn ha; Cần Thơ giảm 1,6 nghìn ha.

Tính đến ngày 20/9/2025, cả nước thu hoạch được 1.824,1 nghìn ha lúa Hè - Thu, giảm 54,5 nghìn ha so với cùng kỳ năm trước, chiếm 96,1% diện tích xuống giống. Trong đó, các địa phương phía Bắc thu hoạch đạt 131,8 nghìn ha, giảm 42,1 nghìn ha, chiếm 76,3%; các địa phương phía Nam đạt 1.649,3 nghìn ha, giảm 12,4 nghìn ha, chiếm 98,1%. Năng suất gieo trồng lúa Hè - Thu cả nước năm nay ước đạt 57,8 tạ/ha, giảm 0,6 tạ/ha so với năm trước, trong đó năng suất lúa Hè - Thu các địa phương phía Bắc đạt 43,8 tạ/ha, giảm 10,0 tạ/ha, chủ yếu do ảnh hưởng của bão, mưa lớn kéo dài tại các tỉnh Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ; năng suất lúa Hè - Thu các địa phương phía Nam ước đạt 59,2 tạ/ha, tăng 0,3 tạ/ha. Một số địa phương có năng



suất gieo trồng giảm nhiều so với vụ lúa Hè - Thu năm 2024: Hà Tĩnh đạt 27,4 tạ/ha, giảm 24,9 tạ/ha do nhiều diện tích gieo trồng bị thiệt hại bởi bão, mưa lũ; Nghệ An đạt 46,6 tạ/ha, giảm 6,7 tạ/ha; Quảng Trị đạt 48,0 tạ/ha, giảm 3,5 tạ/ha. Sản lượng lúa Hè - Thu cả nước năm 2025 ước đạt gần 11 triệu tấn, giảm 180,2 nghìn tấn so với vụ Hè - Thu năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc ước đạt 756,7 nghìn tấn, giảm 179,9 nghìn tấn; các địa phương phía Nam ước đạt 10,2 triệu tấn, tương đương năm 2024 (Vùng Đồng bằng sông Cửu Long ước đạt 7,4 triệu tấn, tăng 24,9 nghìn tấn).

Lúa Mùa

Tính đến ngày 20/9/2025, cả nước đã gieo cấy được 1.461,1 nghìn ha lúa Mùa, giảm 7,2 nghìn ha so với cùng kỳ năm trước, trong đó miền Bắc đạt 979,8 nghìn ha, giảm 16,4 nghìn ha (vùng Đồng bằng sông Hồng cơ bản kết thúc gieo cấy với diện tích 471,1 nghìn ha, giảm 10,7 nghìn ha); miền Nam đạt 481,3 nghìn ha, tăng 9,2 nghìn ha. Hiện nay, lúa Mùa đang trong giai đoạn làm đòng, vào chắc, các trà lúa sớm đã cho thu hoạch được 279,5 nghìn ha, chiếm 19,1% diện tích xuống giống.

Lúa Thu - Đông

Đến ngày 20/9/2025, các địa phương vùng Đồng bằng sông Cửu Long xuống giống được 604,4 nghìn ha lúa Thu - Đông, giảm 2,5 nghìn ha so với cùng kỳ năm trước. Một số địa phương có tiến độ xuống giống chậm so với cùng kỳ năm trước: Đồng Tháp bằng 88,0%; Cần Thơ bằng 95,8%; Cà Mau bằng 96,2%.

1.2.2. Tiêu thụ

Theo USDA, tổng lượng gạo tiêu thụ của Việt Nam có xu hướng tăng nhẹ 0,3%/năm trong giai đoạn 2015/2016 – 2024/2025. Niên vụ 2024/2025, cả nước tiêu thụ khoảng 22,6 triệu tấn gạo (bao gồm cả ăn, sử dụng trong chăn nuôi và các ngành công nghiệp thực phẩm khác), tăng 0,4% so với niên vụ 2023/2024.

Lượng gạo tồn kho, dự trữ của Việt Nam trong niên vụ 2024/2025 giảm xuống mức 2,9 triệu tấn, giảm 1,7% so với niên vụ 2023/2024. Trong kỳ 2015/2016 – 2024/2025, Việt Nam có xu hướng tăng trưởng dự trữ khoảng 16,3%/năm.

**Hình 5: Tiêu dùng và tồn kho gạo của Việt Nam, 2015/2016 – 2024/2025***Nguồn: USDA, 2025*

1.3. Diễn biến giá cả lúa gạo thế giới

Theo Reuters, giá gạo thế giới năm 2025 liên tục sụt giảm so với mức cao trong năm 2024. Điều này là do Ấn Độ, quốc gia xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới, đã mở lại xuất khẩu gạo trắng non-basmati làm nguồn cung gạo toàn cầu tăng lên. Bên cạnh đó, các thị trường nhập khẩu lớn như Indonesia và Philippines đã giảm mua hoặc cấm nhập khẩu gạo trong năm 2025.



Hình 6: Giá gạo 5% tấm của Việt Nam, Thái Lan và Ấn Độ theo tuần, 2024 – 2025



Nguồn: Reuters



II. Thương mại lúa gạo

2.1. Bối cảnh thương mại gạo thế giới

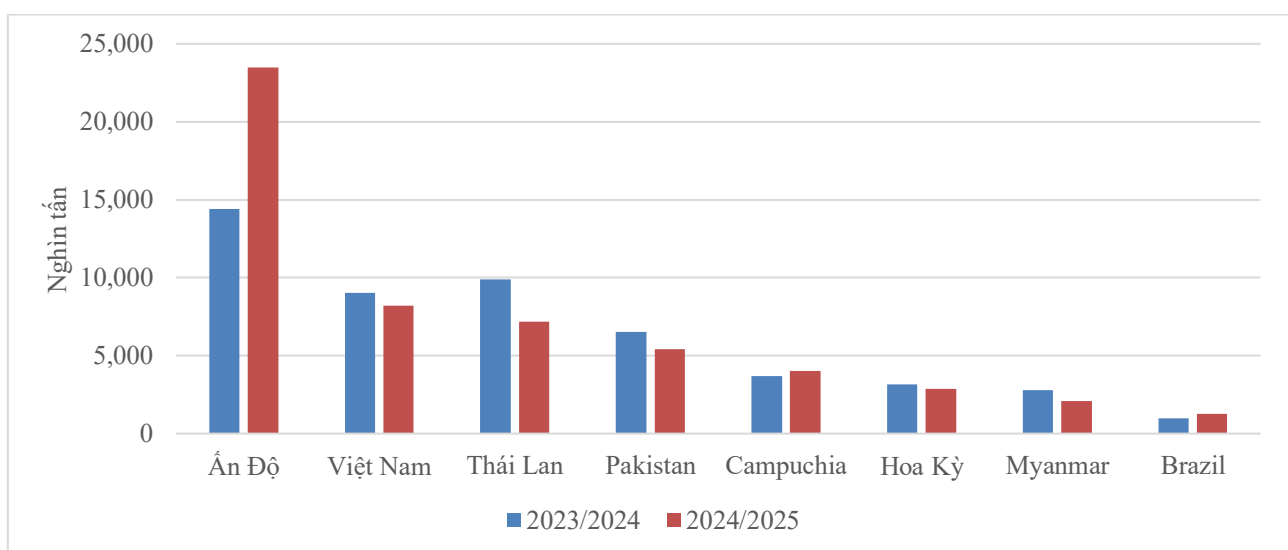
Niên vụ 2024/2025, tổng thương mại gạo thế giới tăng 8,2% so với niên vụ trước. Philippines, Việt Nam và Nigeria là các thị trường nhập khẩu gạo nhiều nhất thế giới trong khi Ấn Độ, Việt Nam và Thái Lan vẫn là ba quốc gia xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới.

2.1.1. Xuất khẩu

Theo USDA, tổng xuất khẩu gạo thế giới tăng đều trong giai đoạn 2015/2016 – 2024/2025 với mức tăng trưởng bình quân năm đạt 3,8%/năm. Trong niên vụ 2024/2025, tổng xuất khẩu gạo trên thế giới đạt 61,1 triệu tấn, tăng 7,5% so với niên vụ trước. Các nhà xuất khẩu lớn bao gồm: Ấn Độ, Việt Nam, Thái Lan, Pakistan, Campuchia, Hoa Kỳ, Myanmar và Brazil.

Tổng xuất khẩu gạo của 8 quốc gia đứng đầu này chiếm tới 89,2% tổng xuất khẩu gạo trên toàn thế giới; trong đó, niên vụ 2024/2025, xuất khẩu gạo của Ấn Độ đạt 23,5 triệu tấn (chiếm 38,4% tổng xuất khẩu gạo của thế giới); Việt Nam đạt 8,2 triệu tấn (13,4%), Thái Lan đạt 7,2 triệu tấn (11,8%), Pakistan đạt 5,4 triệu tấn (8,8%), Campuchia đạt 4,0 triệu tấn (6,5%), Hoa Kỳ đạt 2,9 triệu tấn (4,7%), Myanmar đạt 2,1 triệu tấn (3,4%) và Brazil đạt 1,3 triệu tấn (2,1%). So với niên vụ trước, khối lượng xuất khẩu của Ấn Độ, Campuchia và Brazil có xu hướng tăng, trong khi các nước khác đều giảm.

Hình 7: Khối lượng xuất khẩu của 8 quốc gia xuất khẩu gạo nhiều nhất thế giới, 2023/2024 – 2024/2025

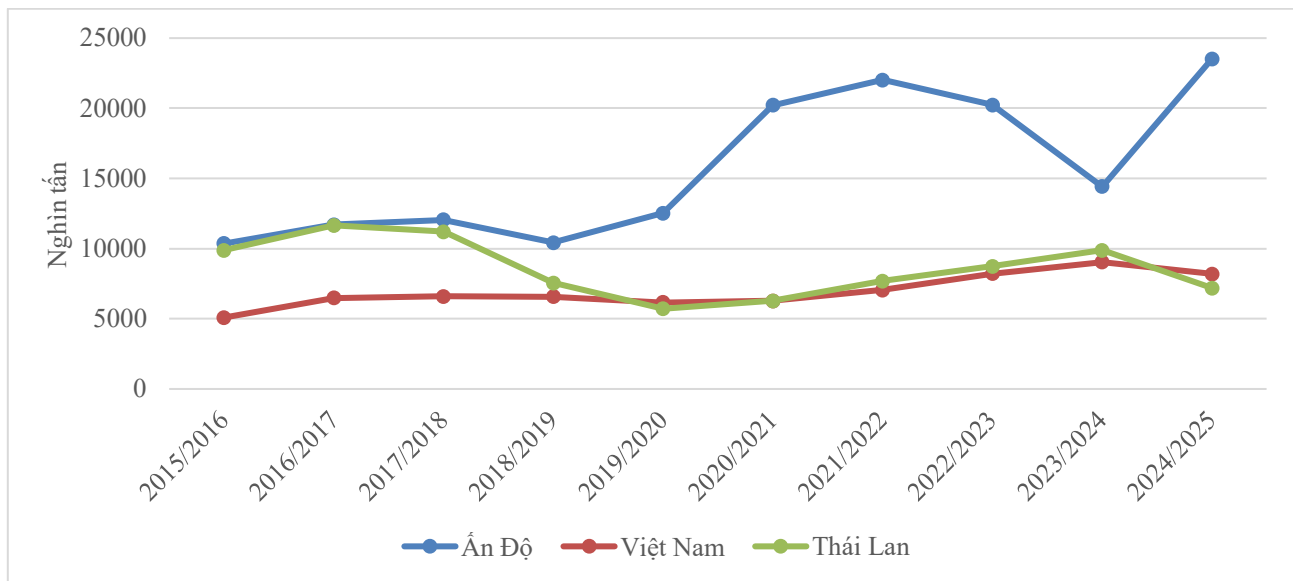


Nguồn: USDA, 2025



Trong ba quốc gia xuất khẩu nhiều gạo nhất thế giới, Ấn Độ có mức tăng trưởng xuất khẩu trong kỳ 2015/2016 – 2024/2025 cao nhất, đạt trung bình 10,4%/năm, tiếp đến là Việt Nam 3,1%/năm, Thái Lan giảm nhẹ 1,0%/năm. Niên vụ 2024/2025, Việt Nam vượt qua Thái Lan trở thành nước xuất khẩu gạo lớn thứ hai thế giới.

Hình 8: Xu hướng của 3 quốc gia xuất khẩu nhiều gạo nhất thế giới, 2015/2016 – 2024/2025



Nguồn: USDA, 2025

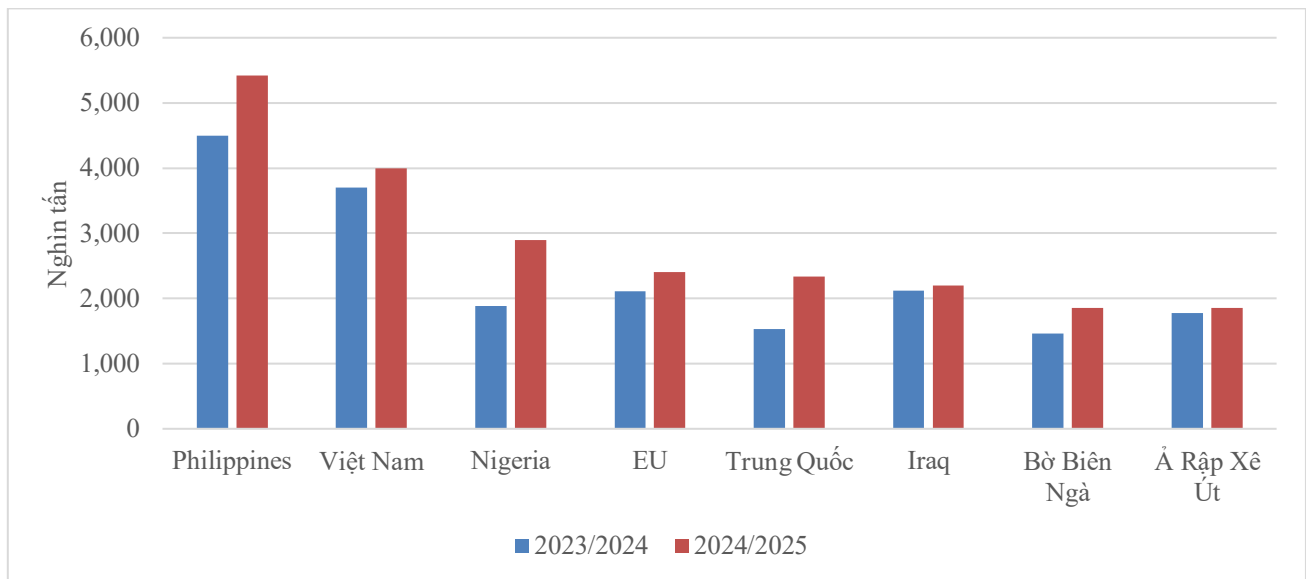
2.1.2. Nhập khẩu

Tổng nhập khẩu gạo trên toàn thế giới niên vụ 2024/2025 đạt 58,2 triệu tấn, tăng 9,0% so với niên vụ 2023/2024. Tốc độ tăng trưởng nhập khẩu gạo của thế giới trong vòng 10 năm trở lại đây đạt 3,8%/năm.

Trong niên vụ 2024/2025, Philippines là quốc gia nhập khẩu nhiều gạo nhất thế giới với 5,4 triệu tấn (chiếm 9,3% tổng nhập khẩu gạo của thế giới); tiếp đến Việt Nam với 4,0 triệu tấn (6,9%), và Nigeria với 2,9 triệu tấn (5,0%). Trong Top 8 quốc gia nhập khẩu nhiều gạo nhất thế giới, so với niên vụ 2023/2024, khối lượng nhập khẩu của các quốc gia đều có xu hướng tăng.



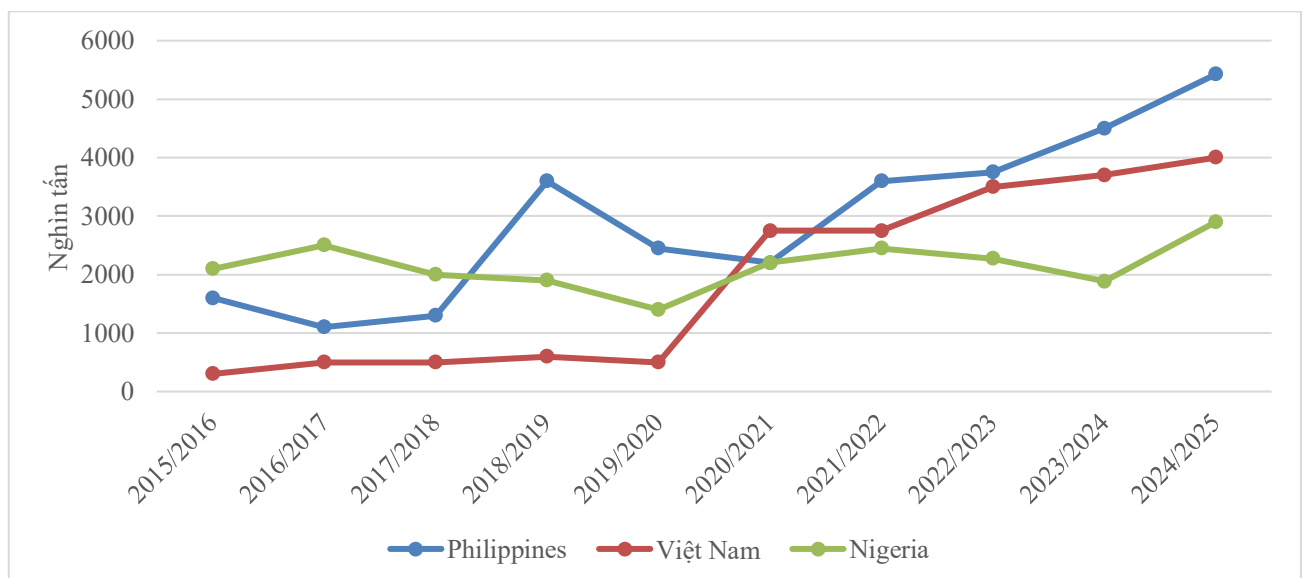
Hình 9: Khối lượng nhập khẩu của 8 quốc gia nhập khẩu gạo nhiều nhất thế giới, 2023/2024 – 2024/2025



Nguồn: USDA, 2025

Trong ba thị trường nhập khẩu nhiều gạo nhất thế giới, Việt Nam có mức tăng trưởng nhập khẩu trong kỳ 2015/2016 – 2024/2025 cao nhất, đạt trung bình 53,6%/năm. Đứng thứ hai là Philippines với tăng trưởng trung bình là 21,9%/năm, còn Nigeria đứng thứ ba với tốc độ tăng trưởng trung bình là 4,7%/năm.

Hình 10: Xu hướng của 3 thị trường nhập khẩu nhiều gạo nhất thế giới, 2015/2016 – 2024/2025



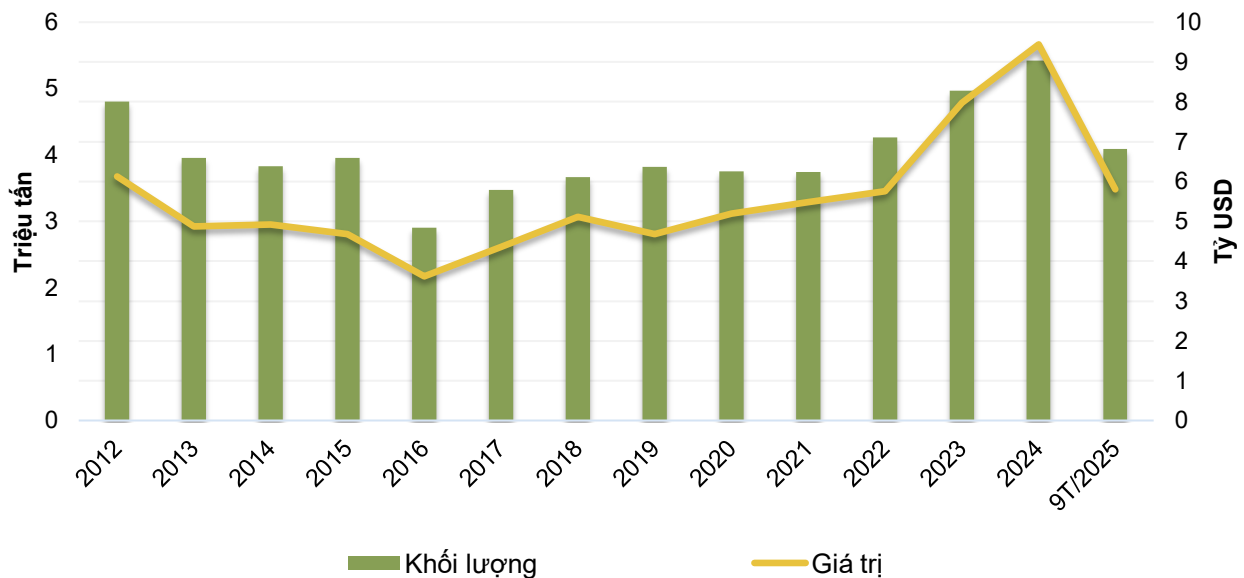
Nguồn: USDA, 2025



2.2. Diễn biến xuất khẩu gạo Việt Nam

Việt Nam luôn nằm trong top 3 quốc gia xuất khẩu gạo nhiều nhất thế giới. Với sản lượng lúa hơn 40 triệu tấn hàng năm (quy đổi gạo khoảng 27-28 triệu tấn), Việt Nam có thể mở rộng các hoạt động xuất khẩu gạo mà vẫn đảm bảo đủ tiêu dùng trong nước.

Hình 11: Lượng và kim ngạch xuất khẩu gạo Việt Nam, 2012 – 9T/2025



Nguồn: Tổng cục Hải Quan

Theo Tổng cục Hải quan, khối lượng xuất khẩu gạo 9 tháng năm 2025 đạt 6,8 triệu tấn và 3,5 tỷ USD, giảm 2,0% về khối lượng và 20,0% về giá trị so với cùng kỳ năm 2024.

Về thị trường xuất khẩu, Philippin đứng vị trí thứ nhất về thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong 9 tháng năm 2025 với 41,4% thị phần. Xuất khẩu gạo sang thị trường này trong 9 tháng năm 2025 đạt 1,4 tỷ USD, giảm 26,9% so với cùng kỳ năm 2024. Đứng thứ hai là Ghana với 12,3% thị phần, đạt 429,3 triệu USD, tăng 47,1% so với cùng kỳ năm 2024. Đứng thứ ba là Bồ Đào Nha với 11,3% thị phần, đạt 393,4 triệu USD, tăng 94,5% so với cùng kỳ năm 2024.

Về chủng loại xuất khẩu, trong 9 tháng năm 2025, giá trị xuất khẩu gạo trắng chiếm 60,8% tổng kim ngạch, gạo thơm chiếm 26,1%; gạo nếp chiếm 7,4%; gạo Japonica chiếm 5,4%; còn lại là gạo đen và gạo đỏ.

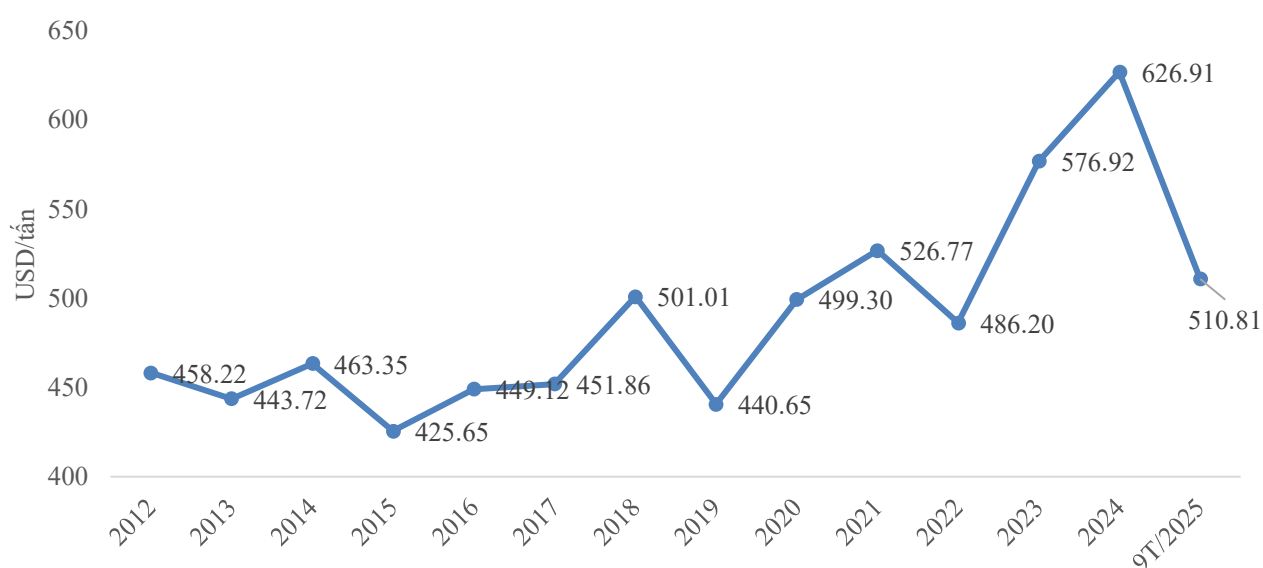


2.3. Diễn biến giá cả lúa gạo Việt Nam

2.3.1. Diễn biến giá xuất khẩu

Trong 9 tháng năm 2024, giá gạo xuất khẩu ước đạt 511 USD/tấn, giảm 18,5% so với năm 2024. Nguyên nhân chính của việc giá gạo giảm mạnh là do Ấn Độ, quốc gia xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới, đã dỡ bỏ lệnh cấm xuất khẩu các loại gạo trắng phi basmati trong năm 2024, khiến nguồn cung trên thị trường quốc tế trở nên dồi dào hơn. Bên cạnh đó, các quốc gia như Indonesia, Malaysia và Philippines giảm hoặc cấm nhập khẩu gạo trong năm 2025.

Hình 12: Giá gạo xuất khẩu trung bình hàng năm của Việt Nam, 2012 – 9T/2025



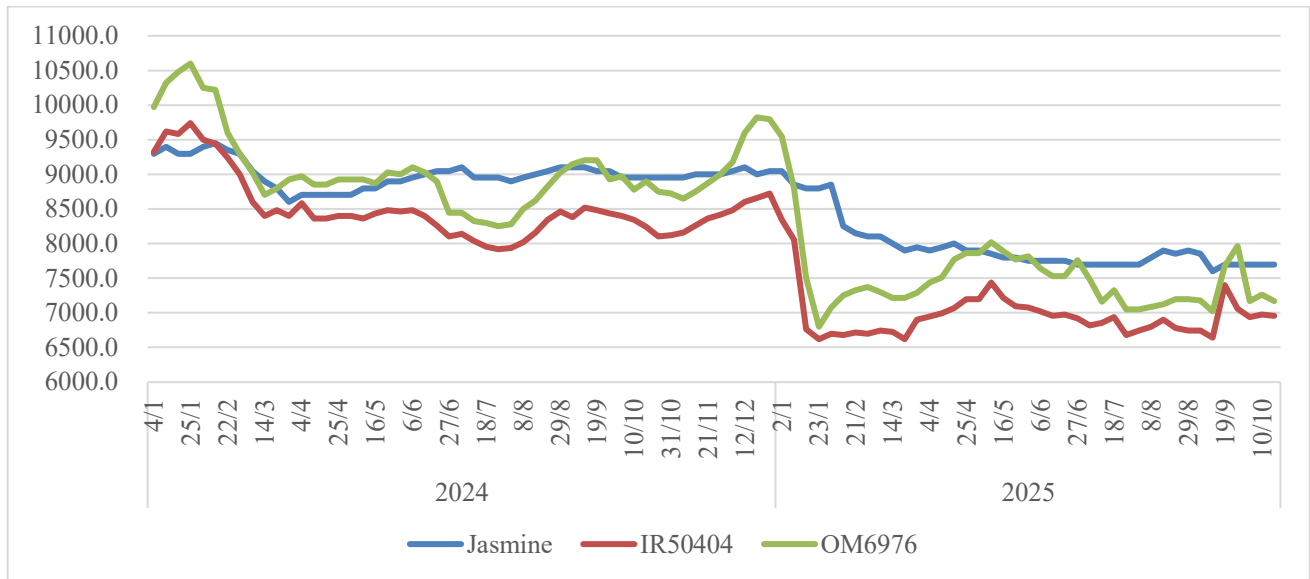
Nguồn: Tổng cục Hải quan, 2025

2.3.2. Diễn biến giá gạo trong nước

Giá lúa tại ĐBSCL có cùng xu hướng với giá gạo quốc tế, giảm mạnh trong năm 2025 so với 2024. Giá lúa Jasmine tại ĐBSCL trong năm 2025 đạt trung bình 7.963 đồng/kg, giảm 11,6% so với năm 2024. Giá lúa IR50404 đạt khoảng 6.968 đồng/kg, giảm 18,1% so với năm 2024. Giá lúa OM6976 đạt 7.493 đồng/kg, giảm 17,4%.



Hình 13: Giá lúa trung bình tại ĐBSCL theo tuần, 2024 – 2025



Nguồn: Cộng tác viên tại ĐBSCL

2.4. Doanh nghiệp xuất khẩu gạo

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, 9 tháng 2025, Việt Nam có 152 doanh nghiệp xuất khẩu gạo. Top 20 doanh nghiệp xuất khẩu gạo chiếm khoảng 70% kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam. Dưới đây là danh sách 20 doanh nghiệp xuất khẩu gạo có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất 9 tháng năm 2025.

STT	DOANH NGHIỆP
1	Công Ty CP Lương Thực MeKong
2	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Lương Thực Phương Đông
3	Tổng Công Ty Lương Thực Miền Bắc
4	Công Ty TNHH Tân Thạnh An
5	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Thành Tín
6	Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Kiên Giang
7	Tổng Công Ty Lương Thực Miền Nam
8	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Tân Long
9	Công Ty TNHH Tiến Phát Nông



STT	DOANH NGHIỆP
10	Công Ty TNHH TM DV Đạt Đức Thịnh
11	Công Ty TNHH Dương Vũ
12	Công Ty Cổ Phần Tân Đồng Tiến
13	Công Ty TNHH Một Thành Viên Kinh Doanh Và Xây Xát Lúa Gạo Cẩm Nguyên
14	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Việt Hưng
15	Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Đại Dương Xanh
16	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn INTIMEX
17	Công Ty TNHH PANORAMAS
18	Công Ty TNHH OLAM GLOBAL AGRI Việt Nam
19	Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Gia
20	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Xuất Nhập Khẩu Lương Thực Ngọc Lợi



III. Một số chính sách có tác động đến ngành gạo trong năm 2025

3.1. Quốc tế

3.1.1. Philippines

Ngày 29/8/2025, Tổng thống Philippines, ông Ferdinand Marcos Jr, đã chính thức công bố lệnh cấm nhập khẩu gạo tạm thời trong 60 ngày, áp dụng đối với các loại gạo xay xát thường và xay xát kỹ, trong khi các loại gạo cao cấp như basmati sẽ không bị ảnh hưởng. Lệnh cấm có hiệu lực từ ngày 1/9/2025, được đưa ra nhằm bảo vệ nông dân trong nước trước nguy cơ giá thu mua lúa tại ruộng sụt giảm sâu trước vụ thu hoạch cao điểm tháng 9 và tháng 10. Động thái này được xem là một phản ứng khẩn cấp khi có báo cáo cho thấy một số thương lái đang thu mua lúa với giá chỉ 8 PHP/kg (0,14 USD/kg), thấp hơn nhiều so với giá thành sản xuất.

Ngày 30/10/2025, Tổng thống Philippines - Ferdinand Marcos Jr. tiếp tục ban hành Sắc lệnh số 102, chính thức gia hạn lệnh tạm dừng nhập khẩu gạo đến ngày 31/12/2025.

3.1.2. Thái Lan

Ngày 19/8/2025, Chính phủ Thái Lan đã phê duyệt một gói hỗ trợ quy mô lớn trị giá 114 tỷ THB (3,1 tỷ USD) cho nông dân trồng lúa của nước này hiện đang phải đối mặt với tình trạng giá cả sụt giảm. Gói hỗ trợ này được chia thành hai chương trình chính. Chương trình đầu tiên là hỗ trợ tài chính trực tiếp, theo đó mỗi hộ nông dân sẽ nhận được 1.000 THB/rai (tương đương khoảng 170 USD/ha), áp dụng cho tối đa 10 rai (1,6ha) canh tác lúa gạo. Để thực hiện biện pháp này, Nội các Thái Lan đã phải cấp một ngoại lệ đặc biệt so với nghị quyết cấm trợ cấp trực tiếp cho nông sản được ban hành trước đó.

Chương trình thứ hai, với ngân sách 61,6 tỷ THB (1,68 tỷ USD), tập trung vào các biện pháp bình ổn giá lúa cho niên vụ 2025/2026. Chương trình này bao gồm ba dự án cụ thể: cấp tín dụng để nông dân Thái Lan có thể trì hoãn việc bán lúa, cung cấp các khoản vay cho các tổ chức nông nghiệp để thu mua và tạm trữ, và bù lãi suất cho các thương nhân đồng ý tham gia dự trữ lúa. Về phần viện trợ tài chính trực tiếp, ngân sách được phân bổ cụ thể là 7,28 tỷ THB (198 triệu USD) cho vụ trái mùa 2025, dự kiến hỗ trợ 861.000 hộ, và 37,9 tỷ THB (1,03 tỷ USD) cho vụ chính 2025/2026.

3.1.3. Ma-rốc

Ngày 27/12/2024, Chính phủ Ma-rốc công bố kế hoạch tạm thời miễn thuế nhập khẩu và thuế VAT đối với gạo, nhằm tăng cường nguồn cung và ổn định giá cả trên thị trường nội địa. Theo thông báo từ Bộ Công nghiệp và Thương mại Ma-rốc, biện pháp này sẽ có hiệu lực



từ ngày 1/1/2025 đến 31/12/2025, áp dụng cho gạo thuộc mã HS 1006.20.90.00, với hạn mức nhập khẩu lên đến 55.000 tấn.

Mục tiêu chính của chính sách là giảm bớt gánh nặng chi phí cho người tiêu dùng trong bối cảnh giá gạo có xu hướng biến động. Tuy nhiên, biện pháp này chỉ mang tính chất tạm thời và không giải quyết triệt để các vấn đề dài hạn của ngành gạo, chẳng hạn như thiếu hụt sản xuất trong nước hay sự phụ thuộc vào nguồn cung từ nước ngoài. Chính phủ Ma-rốc kỳ vọng rằng bước đi này sẽ giúp cải thiện tình hình cung ứng trong ngắn hạn, nhưng vẫn cần các giải pháp toàn diện hơn để bảo đảm an ninh lương thực lâu dài cho quốc gia.

3.1.4. Indonesia

Ngày 14/7/2025, Chính phủ Indonesia đã chính thức khởi động lại chương trình viện trợ gạo quy mô lớn cho năm 2025, nhằm mục tiêu hỗ trợ cho 18,27 triệu hộ gia đình có thu nhập thấp trên toàn quốc. Chương trình này được xem là một ưu tiên quốc gia dưới thời chính quyền mới của Tổng thống Prabowo Subianto, đóng vai trò như một gói kích thích kinh tế, giúp giảm bớt gánh nặng chi tiêu cho các hộ gia đình dễ bị tổn thương, đồng thời góp phần ổn định giá gạo trên thị trường nội địa. Cơ quan Lương thực Quốc gia (Bapanas) chịu trách nhiệm chỉ đạo và Cơ quan hậu cần nhà nước Perum Bulog trực tiếp thực hiện việc phân phối.

Theo kế hoạch, mỗi hộ gia đình trong danh sách thụ hưởng sẽ nhận được 10 kg gạo mỗi tháng. Trong đợt triển khai hiện tại, chính phủ sẽ phân phát gộp lượng gạo của tháng 6 và tháng 7, tức là mỗi gia đình sẽ nhận 20 kg gạo. Danh sách các hộ gia đình được xác định dựa trên Dữ liệu Kinh tế - Xã hội Quốc gia Indonesia (DTSEN) để đảm bảo viện trợ đến đúng đối tượng. Chính phủ đang chỉ đạo các cơ quan liên quan đẩy nhanh tiến độ để hoàn thành việc phân phối trong vòng một tháng.

3.1.5. Kenya

Ngày 28/7/2025, Chính phủ Kenya đã chính thức phê duyệt kế hoạch cho phép nhập khẩu 500.000 tấn gạo trắng loại 1 miễn thuế, có hiệu lực từ nay đến hết ngày 31/12/2025. Quyết định này được đưa ra nhằm giải quyết tình trạng thiếu hụt nguồn cung nghiêm trọng và giảm bớt áp lực cho thị trường gạo trong nước. Đáng chú ý, động thái này trái ngược hoàn toàn với kế hoạch được chính phủ công bố chỉ một tháng trước đó, khi họ dự định cắt giảm gần 50% lượng gạo nhập khẩu để đáp ứng yêu cầu hỗ trợ nông dân địa phương từ 8.500 hộ trồng lúa.

Sự thay đổi đột ngột về chính sách này xuất phát từ thực tế sản xuất gạo trong nước của Kenya hoàn toàn không thể đáp ứng nhu cầu tiêu thụ. Số liệu cho thấy, nhu cầu gạo hàng tháng của Kenya hiện đã ở mức 100.000 tấn, trong khi tổng sản lượng của cả niên vụ 2024/2025 chỉ



đạt 191.000 tấn. Chính sách nhập khẩu này cũng nằm trong khuôn khổ rộng hơn khi Hội đồng Bộ trưởng Cộng đồng Đông Phi (EAC) đã gia hạn cho phép Kenya tiếp tục nhập khẩu gạo và lúa mì với thuế suất ưu đãi để cân bằng cung-cầu. Hiện tại, Ấn Độ vẫn là nhà cung cấp gạo lớn nhất cho Kenya khi chiếm tới hơn 90% thị phần.

3.2. Trong nước

3.2.1. Công điện về việc điều hành đảm bảo cân đối cung cầu lúa gạo trước diễn biến thị trường thế giới và trong nước

Ngày 4/3/2025, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính ký Công điện số 21/CD-TTg về việc điều hành đảm bảo cân đối cung cầu lúa gạo trước diễn biến thị trường thế giới và trong nước.

Nội dung Công điện nêu: trong những năm gần đây, sản xuất và xuất khẩu lúa gạo luôn duy trì phát triển ổn định và đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Tuy nhiên, những tháng đầu năm 2025, thương mại lúa gạo toàn cầu diễn biến phức tạp, nguồn cung thế giới trở nên dư thừa. Nhu cầu nhập khẩu của các nước trên thế giới giảm, chưa có dấu hiệu phục hồi trong thời gian ngắn hạn, các thị trường nhập khẩu lớn đang thận trọng trong dự trữ và thu mua gạo. Trước tác động của diễn biến cung cầu thế giới, xuất khẩu gạo của Việt Nam trong hai tháng đầu năm 2025 có xu hướng suy giảm do giá xuất khẩu liên tục giảm. Trong nước, hiện nay các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long đang thu hoạch rộ lúa vụ Đông Xuân nên có hiện tượng giá thu mua lúa giảm đáng kể so với cùng kỳ năm 2024.

Để đảm bảo việc điều hành cân đối cung cầu lúa gạo trong nước và thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu lúa gạo bền vững, nâng cao hiệu quả, tăng thu nhập cho nông dân, tranh thủ cơ hội xuất khẩu và đảm bảo hài hòa lợi ích cho người sản xuất và các doanh nghiệp, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ, cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Hiệp hội và doanh nghiệp kinh doanh, xuất khẩu gạo theo dõi sát sao, cập nhật kịp thời các biến động về chính sách, các diễn biến thị trường của các quốc gia xuất khẩu, nhập khẩu để chủ động tổ chức thực hiện tích cực, hiệu quả, đồng bộ các giải pháp, tập trung chỉ đạo, khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

a) Chỉ đạo các địa phương vùng Đồng bằng Sông Cửu Long sản xuất đảm bảo sản lượng và diện tích theo kế hoạch đã đặt ra, trước mắt tập trung sản xuất, thu hoạch lúa vụ Đông Xuân đúng thời vụ; theo dõi sát sao lịch thời vụ và tình hình hạn mặn nhằm hạn chế ảnh hưởng đến



sản xuất lúa;

b) Tiếp tục tập trung chỉ đạo triển khai có hiệu quả Đề án "Phát triển bền vững một triệu hecta lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030", đặc biệt đẩy mạnh nhân rộng quy trình sản xuất lúa giảm phát thải để giảm chi phí sản xuất và tăng giá bán cho nông dân;

c) Phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương theo dõi sát diễn biến thị trường gạo thế giới, nhất là sự điều chỉnh chính sách tại các nước xuất khẩu gạo lớn như Ấn Độ, Thái Lan...; nắm bắt nhu cầu nhập khẩu gạo tại các thị trường còn nhiều dư địa như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Châu Phi cung cấp, cập nhật thông tin tới các địa phương, doanh nghiệp để có những điều chỉnh kịp thời kế hoạch sản xuất, xuất khẩu phù hợp với diễn biến thị trường;

d) Về dài hạn, tập trung nghiên cứu, cải thiện cơ cấu sản xuất và chất lượng sản phẩm, tập trung vào các giống lúa có chất lượng và giá trị cao, các giống lúa đặc sản; ứng dụng công nghệ hiện đại, đầu tư nghiên cứu và nhân giống, phát triển các giống lúa có khả năng chịu hạn, chịu mặn, kháng sâu bệnh nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và thiên tai; tăng cường chế biến sâu tạo ra các sản phẩm có giá trị, sản phẩm đặc sản, hữu cơ; tiếp tục tham mưu trình Chính phủ phê duyệt và triển khai Đề án "Phát triển hệ thống logistics nhằm nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của nông sản Việt Nam đến năm 2030" nhằm nâng cao khả năng lưu trữ, dự trữ, bảo quản hiện đại, góp phần đảm bảo chất lượng gạo phục vụ xuất khẩu vào các thời điểm thị trường thế giới nhu cầu nhập khẩu và giá thành cao; Nghiên cứu, tham mưu xây dựng và phát triển các thương hiệu gạo bền vững và thân thiện môi trường;

đ) Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng làm tốt công tác thông tin tuyên truyền để nông dân, cộng đồng doanh nghiệp, xã hội có đầy đủ thông tin, nắm rõ tình hình, kế hoạch sản xuất và thị trường tiêu thụ.

2. Bộ trưởng Bộ Công Thương

a) Tiếp tục chủ trì, đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện "Chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam đến năm 2030" và các nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo tại các Chỉ thị, Công điện về thúc đẩy sản xuất và xuất khẩu gạo;

b) Chủ trì, phối hợp Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các địa phương thành lập đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra việc thực hiện việc thu mua, xuất nhập khẩu lúa gạo góp phần làm lành mạnh thị trường đặc biệt là khả năng dự trữ bắt buộc theo quy định tại Nghị định số 107/2018/NĐ-CP;

c) Chủ trì tăng cường xúc tiến thương mại, thúc đẩy xuất khẩu tại các thị trường lớn, thị



trường tiềm năng, còn nhiều dư địa với các phân khúc sản phẩm của Việt Nam, như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Trung Quốc (gạo chất lượng cao, gạo thơm đặc sản giá trị cao như ST24, ST25), Trung Đông, Châu Phi, ASEAN (gạo trắng) thông qua các hiệp định thương mại tự do hoặc các thỏa thuận song phương đã ký kết nhằm đa dạng hóa thị trường, giảm dần phụ thuộc vào các quốc gia nhập khẩu truyền thống; cung cấp thông tin, hướng dẫn cho các doanh nghiệp các thời điểm tập trung xuất khẩu có lợi về giá và tính cạnh tranh trên thị trường quốc tế;

d) Tăng cường các giải pháp thúc đẩy tiêu thụ gạo trong nước; quan tâm các chương trình, hoạt động xúc tiến thương mại cấp quốc gia về đào tạo, tập huấn phát triển sản phẩm, thiết kế bao bì nhằm đa dạng hóa các sản phẩm từ gạo phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu;

đ) Tổng kết, đánh giá và rà soát, đề xuất Chính phủ sửa đổi Nghị định số 107/2018/NĐ-CP và Nghị định số 01/2025/NĐ-CP toàn diện trong Quý II năm 2025, trong đó nghiên cứu đề xuất bổ sung các tiêu chí, điều kiện đối với doanh nghiệp kinh doanh, xuất, nhập khẩu gạo, theo hướng ưu tiên, ưu đãi đối với các đơn vị có chuỗi liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm có hệ thống kho chứa, logistics đồng bộ, hiện đại nhằm khắc phục tình trạng thương lái thu mua ép giá nông dân. Đề xuất xây dựng tiêu chí đánh giá mức độ tín nhiệm đối với doanh nghiệp xuất, nhập khẩu gạo hướng tới giảm đầu mối và minh bạch thông tin;

3. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

a) Chỉ đạo nghiên cứu, tính toán mở rộng hạn ngạch, thời hạn cho vay đối với các doanh nghiệp có năng lực, có hệ thống kho chứa để mua gạo tạm trữ trong giai đoạn thị trường có biến động và giá mua thấp;

b) Chỉ đạo các ngân hàng thương mại tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn tín dụng với lãi suất ưu đãi, đáp ứng đủ nhu cầu tín dụng phục vụ thu mua và xuất khẩu lúa gạo, nhất là thu mua lúa hàng hóa vụ Đông Xuân tại các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long; hỗ trợ nông dân tái vụ; đơn giản hóa thủ tục xét duyệt cấp tín dụng, bao gồm các điều kiện về hợp đồng xuất khẩu, hợp đồng thu mua lúa, tài sản bảo đảm...

4. Bộ trưởng Bộ Tài chính

a) Chỉ đạo, tạo điều kiện hoàn thuế xuất khẩu sớm để tạo điều kiện cho doanh nghiệp kinh doanh, xuất khẩu gạo;

b) Tạo cơ chế thông quan nhanh gọn, thuận lợi cho doanh nghiệp xuất khẩu. Tăng cường công tác kiểm tra đối với hoạt động xuất nhập khẩu gạo để tạo sự minh bạch và công bằng cho thị trường;



c) Chủ động xây dựng kế hoạch mua dự trữ gạo quốc gia năm 2025 để triển khai kịp thời khi có biến động bất lợi về giá lúa gạo.

5. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

a) Tăng cường nắm bắt, phổ biến thông tin về nhu cầu, thị hiếu và các quy định thị trường cũng như chính sách ngoại giao kinh tế để thông tin tới các hiệp hội, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh mặt hàng lúa gạo;

b) Chủ trì nghiên cứu chính sách của các nước đối với thực phẩm, nông sản xuất nhập khẩu; tham mưu các giải pháp, hoạt động ngoại giao kinh tế nhằm tăng cường và tạo điều kiện cho xuất khẩu lúa gạo của Việt Nam sang thị trường quốc tế.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Chỉ đạo quyết liệt triển khai có hiệu quả Đề án "Phát triển bền vững một triệu hecta lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng Sông Cửu Long đến năm 2030"; tổ chức sản xuất lúa gạo đảm bảo sản lượng và diện tích theo kế hoạch đã phê duyệt; theo dõi sát sao lịch thời vụ theo từng mùa vụ; chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương theo dõi, nắm bắt thông tin, diễn biến tình hình thu mua lúa gạo để kịp thời có giải pháp xử lý và cung cấp thông tin kịp thời cho các Bộ, ngành liên quan phục vụ công tác điều hành sản xuất và xuất khẩu. Tuyên truyền, vận động bà con nông dân yên tâm tiếp tục sản xuất vụ Hè - Thu theo kế hoạch, để đảm bảo ổn định sản lượng theo kế hoạch;

b) Đẩy mạnh công tác quản lý thị trường; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát tình hình mua bán của các doanh nghiệp đầu mối, thương lái, tránh tình trạng lợi dụng tình hình để ép giá, trục lợi; cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp;

c) Nghiên cứu, tổ chức sản xuất theo đặt hàng của doanh nghiệp và nhu cầu của thị trường; trên cơ sở kế hoạch chung của Bộ, ngành trong điều hành sản xuất, các địa phương chủ động điều chỉnh cơ cấu mùa vụ theo đặc thù của địa phương bảo đảm thuận lợi cho sản xuất và hoạt động thu mua, chế biến, xuất khẩu;

d) Có giải pháp hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc thu mua, vận chuyển lúa, gạo về kho chứa của các doanh nghiệp;

đ) Sử dụng hiệu quả nguồn vốn bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo quy định tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP nhất là hỗ trợ cải thiện hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng, mở rộng diện tích sản xuất.

7. Chủ tịch Hiệp hội Lương thực Việt Nam, Chủ tịch Hiệp hội ngành hàng Lúa gạo Việt



Nam, Chủ tịch, Tổng giám đốc Tổng công ty Lương thực miền Bắc, Tổng công ty Lương thực miền Nam và các doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu gạo.

a) Chủ động tìm kiếm thị trường, nhất là các bạn hàng truyền thống với các Hiệp hội; tăng cường các chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ để khắc phục tình trạng ép giá cho nông dân;

b) Tích cực mua tạm trữ lúa cho bà con nông dân và đăng ký, cung cấp thông tin về khả năng tạm trữ với Ủy ban nhân dân tỉnh, báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để phục vụ công tác chỉ đạo sản xuất, tiêu thụ;

c) Tăng cường cập nhật, theo dõi, dự báo, cung cấp thông tin diễn biến tình hình sản xuất và thị trường lúa gạo trong nước và thế giới; khuyến khích các doanh nghiệp thuộc Hiệp hội tích cực tham gia vào triển khai Đề án "Phát triển bền vững một triệu hecta lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng Sông Cửu Long đến năm 2030";

d) Huy động, khuyến khích các thành viên tham gia thực hiện các chuỗi liên kết sản xuất, cung ứng, tiêu thụ lúa gạo và các nhiệm vụ, giải pháp phát triển hệ thống logistics nông sản gắn với vùng nguyên liệu.

3.2.2. Công điện về việc tăng cường thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu và ổn định thị trường gạo

Ngày 09/9/2025, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính ký Công điện số 160/CT-TTg về việc tăng cường thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu và ổn định thị trường gạo.

Công điện gửi Bộ trưởng các Bộ: Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Ngoại giao; Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Chủ tịch Hiệp hội Lương thực Việt Nam; Chủ tịch Hiệp hội ngành hàng lúa gạo Việt Nam.

Năm 2025, tình hình thế giới tiếp tục biến động phức tạp, khó lường đã tác động tiêu cực đến sự phục hồi và tăng trưởng kinh tế toàn cầu, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất, xuất khẩu lương thực, thực phẩm, trong đó có mặt hàng gạo. Với các giải pháp chỉ đạo, điều hành chủ động, kịp thời của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành, địa phương, tình hình sản xuất, xuất khẩu gạo của Việt Nam trong những tháng đầu năm 2025 đã đạt nhiều kết quả tích cực, đã đóng góp quan trọng vào tăng trưởng của ngành nông nghiệp và nền kinh tế, đồng thời đáp ứng đầy đủ nhu cầu tiêu dùng, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia



và lợi ích người nông dân.

Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu gạo

Nhằm đẩy mạnh hoạt động sản xuất, xuất khẩu và ổn định thị trường gạo, đồng thời tận dụng thời cơ, cơ hội thị trường, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế những tháng cuối năm 2025, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng Bộ Công Thương theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, địa phương liên quan đa dạng hóa thị trường xuất khẩu gạo, ổn định, bền vững, hiệu quả; linh hoạt tổ chức, triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại (XTTM), kết hợp giữa hình thức truyền thống và trực tuyến nhằm duy trì, tiếp tục củng cố các thị trường xuất khẩu gạo truyền thống và phát triển các thị trường mới, tiềm năng, các thị trường FTA; khai thác các thị trường ngách với chủng loại gạo thơm, gạo chất lượng cao như EU, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, khu vực Bắc Mỹ...; chỉ đạo hệ thống thương vụ tại các nước tăng cường nắm bắt, đánh giá kịp thời các cảnh báo, các thay đổi về quy định của các nước nhập khẩu nông sản để bảo vệ tối đa lợi ích doanh nghiệp.

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường, đánh giá, dự báo nhu cầu nhập khẩu và khả năng tiến hành XTTM gạo vào các thị trường nhập khẩu; kịp thời cập nhật thông tin cho Hiệp hội Lương thực Việt Nam và các thương nhân xuất khẩu gạo để phục vụ cho định hướng kinh doanh, xuất khẩu.

Đồng thời, Bộ trưởng Bộ Công Thương theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, địa phương liên quan nghiên cứu việc đàm phán, ký kết các thỏa thuận ưu đãi thương mại với một số thị trường xuất khẩu tiềm năng; tận dụng tiến trình rà soát các Hiệp định đã được đưa vào thực thi để đề nghị các đối tác gia tăng hạn ngạch cho Việt Nam.

Tiếp tục đôn đốc Hiệp hội Lương thực Việt Nam và các thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo thực hiện nghiêm túc các quy định tại Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 01/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ nhằm đảm bảo cân đối xuất khẩu và tiêu dùng nội địa, dự trữ lưu thông theo quy định, góp phần bình ổn giá thóc, gạo tại thị trường trong nước.

Xây dựng vùng chuyên canh lúa, đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển giống lúa năng suất, chất lượng cao

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, địa phương liên quan tiếp tục



hoàn thiện thể chế chính sách để xây dựng vùng chuyên canh lúa, tạo điều kiện thuận lợi cho nông dân và doanh nghiệp đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển giống lúa năng suất, chất lượng cao phù hợp yêu cầu thị trường, sử dụng hiệu quả thương hiệu và nhãn hiệu Gạo Việt Nam/VietNam rice; xây dựng các tiêu chuẩn về sản xuất, chế biến và chất lượng sản phẩm phù hợp với hội nhập quốc tế trong tình hình hiện nay để duy trì sản xuất bền vững.

Xây dựng cơ sở hạ tầng (kho chứa chuyên dùng thóc, gạo, cơ sở xát, xát, chế biến, áp dụng khoa học công nghệ để nâng cao hiệu quả bảo quản sau thu hoạch), đầu tư phát triển mạnh hơn các loại gạo giá trị cao, đã tạo được hình ảnh thương hiệu. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, giảm phụ thuộc vào phân bón và thuốc bảo vệ thực vật gây ảnh hưởng đến chất lượng gạo, gây ô nhiễm môi trường, nhằm tăng năng suất và chất lượng gạo, nâng giá thành xuất khẩu.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách khuyến khích, hỗ trợ triển khai xây dựng vùng nguyên liệu, tăng cường liên kết sản xuất, tiêu thụ thóc, gạo theo chuỗi giá trị; chỉ đạo, hướng dẫn doanh nghiệp tổ chức thu mua lúa gạo tạm trữ, tìm kiếm mở rộng thị trường mới để ổn định giá lúa, hỗ trợ nông dân.

Đẩy mạnh đàm phán song phương, đa phương để ký kết các Hiệp định, thỏa thuận về sự phù hợp, công nhận lẫn nhau về kiểm dịch, chất lượng sản phẩm, tiêu chuẩn an toàn thực phẩm.

Đẩy mạnh cung cấp tín dụng cho các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, thu mua và xuất khẩu gạo

Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, địa phương liên quan đẩy mạnh hoạt động của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài trong việc nắm bắt thông tin thị trường để hỗ trợ thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo; kết nối thương mại, phối hợp với các Bộ, cơ quan tăng cường hơn nữa quảng bá thương hiệu và sản phẩm gạo Việt Nam tại các quốc gia, vùng lãnh thổ.

Bộ trưởng Bộ Tài chính tiếp tục tăng cường thực hiện các giải pháp hỗ trợ, tạo thuận lợi tối đa cho các thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo trong thực hiện thủ tục hải quan; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và phương pháp quản lý hải quan hiện đại trong giải quyết thủ tục hành chính.

Bên cạnh đó, triển khai nhanh việc hoàn thuế giá trị gia tăng để tạo điều kiện cho thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo và xem xét kiến nghị của Hiệp hội liên quan đến thuế VAT. Thực hiện việc mua gạo dự trữ, tạo điều kiện cho người nông dân quay vòng sản xuất và có



nguồn tài chính chuẩn bị cho các mùa vụ kế tiếp.

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ đạo các ngân hàng thương mại đẩy mạnh cung cấp tín dụng cho các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, thu mua và xuất khẩu gạo, đặc biệt trong các giai đoạn có sự biến động của thị trường để giúp người sản xuất, doanh nghiệp nắm bắt được cơ hội, hạn chế rủi ro theo đúng quy định pháp luật.

Chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về xuất khẩu gạo

Thủ tướng Chính phủ giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện quy hoạch sản xuất lúa, chỉ đạo việc cung ứng vật tư, cơ cấu giống, thực hiện kỹ thuật canh tác, nâng cao chất lượng gạo đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và cho xuất khẩu.

Chỉ đạo theo dõi sát tình hình hoạt động của các thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo, phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, Hiệp hội Lương thực Việt Nam và các thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo để chủ động tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về xuất khẩu gạo; kịp thời báo cáo đề xuất các giải pháp đối với những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền.

Chủ động nắm bắt thông tin, các văn bản hướng dẫn, khuyến cáo của các Bộ, ngành để tổ chức các hoạt động tuyên truyền, định hướng thị trường tại địa phương; hỗ trợ nông dân, thương nhân trong công tác đảm bảo chất lượng, truy xuất nguồn gốc, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm.

Hiệp hội Lương thực Việt Nam và Hiệp hội ngành hàng lúa gạo Việt Nam tăng cường thông tin tình hình thị trường gạo thế giới cũng như nhu cầu của các đối tác đến các hội viên của Hiệp hội và các địa phương liên quan; chủ động đề xuất các chương trình XTTM vào các thị trường và cách tiếp cận đối với từng thị trường cụ thể góp phần quảng bá hình ảnh, thương hiệu sản phẩm gạo Việt Nam.



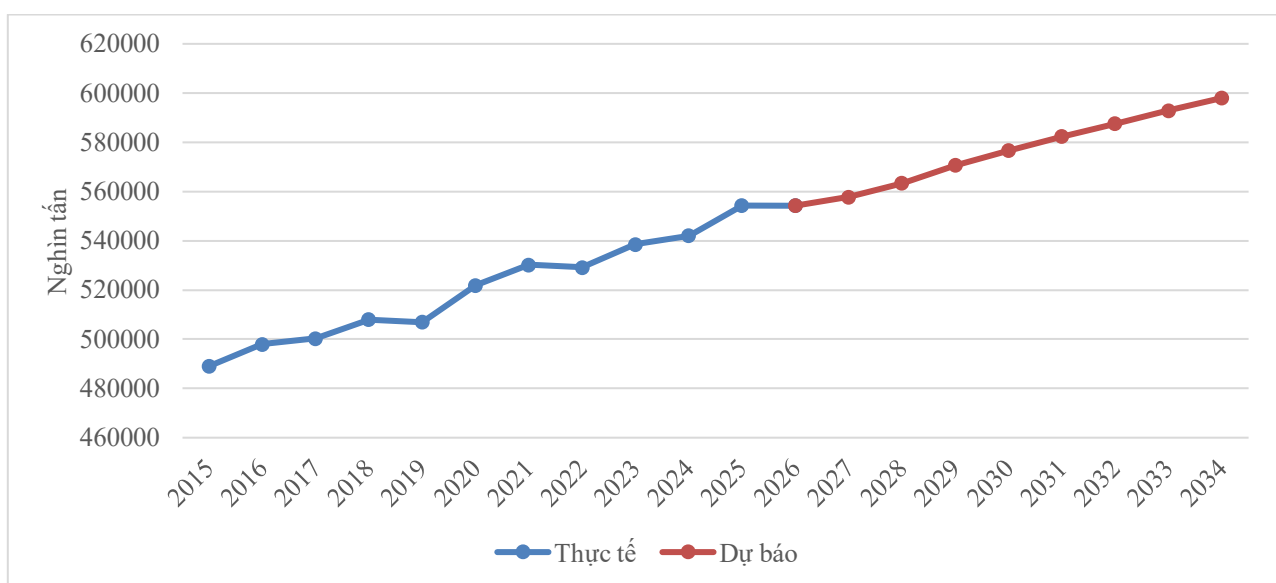
IV. Triển vọng ngành lúa gạo

4.1. Tình hình sản xuất và xuất khẩu của thế giới

a/ Dự báo sản lượng, tiêu thụ gạo toàn cầu năm 2026

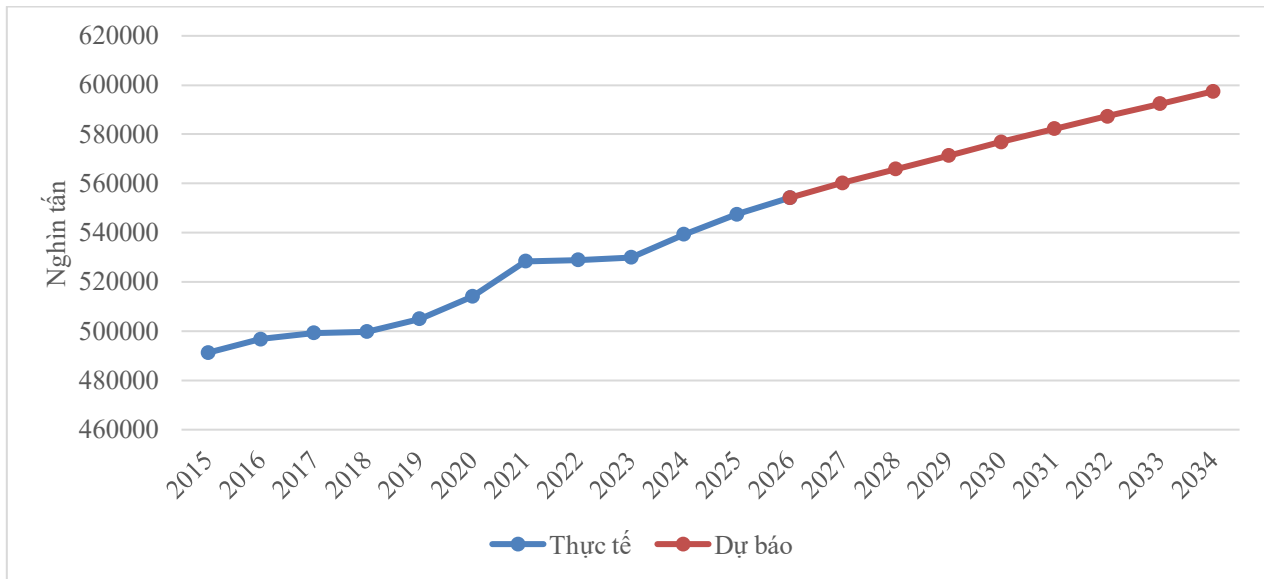
Theo OECD, dự báo sản lượng gạo thế giới sẽ giảm nhẹ 0,01% vào năm 2026, đạt 554,26 triệu tấn so với mức 554,3 triệu tấn vào năm 2025. Tuy nhiên, kể từ năm 2027 xu hướng tăng trưởng sẽ duy trì cho đến năm 2034.

Hình 14: Dự báo sản lượng gạo toàn cầu từ 2015 đến 2034



Nguồn: OECD, 2025

Cũng theo OECD, dự báo tiêu thụ gạo thế giới sẽ tăng 1,2% vào năm 2026, đạt 554,2 triệu tấn so với mức ước tính 547,5 triệu tấn vào năm 2025. Xu hướng tăng trưởng này cũng sẽ tiếp tục diễn ra cho đến năm 2034.

**Hình 15: Dự báo tiêu thụ gạo toàn cầu từ 2015 đến 2034**

Nguồn: OECD, 2024

b/ Xuất khẩu/Nhập khẩu gạo thế giới năm 2026

Theo USDA, thương mại gạo toàn cầu trong năm 2026 được dự báo đạt mức kỷ lục 62,1 triệu tấn. Trong đó, dự báo xuất khẩu năm 2026 của Myanmar được nâng thêm 400.000 tấn, lên 2,2 triệu tấn, xuất phát từ tốc độ giao hàng mạnh mẽ nhờ giá cạnh tranh của gạo tấm Myanmar sang các thị trường chủ lực, đặc biệt là Trung Quốc. Ngược lại, dự báo xuất khẩu của Pakistan giảm 100.000 tấn, xuống còn 5,2 triệu tấn, do cạnh tranh gia tăng tại các thị trường châu Phi và châu Á. Dự báo xuất khẩu của Hoa Kỳ cũng bị giảm 100.000 tấn, xuống 3,0 triệu tấn, do tốc độ bán hàng chậm hơn dự kiến và giá gạo xay xát hạt dài của Mỹ kém cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Về nhập khẩu gạo toàn cầu năm 2026, dự báo tăng cho Madagascar (do mức tiêu thụ tăng, thể hiện qua tốc độ nhập khẩu cao trong 4 tháng đầu niên vụ) và Úc (do dự kiến vụ mùa trong nước nhỏ hơn). Ngược lại, dự báo nhập khẩu được giảm đối với một số nước khác như Afghanistan, Benin và Kazakhstan, chủ yếu do nhu cầu thấp hơn dự kiến.

4.2. Tình hình sản xuất và xuất khẩu của Việt Nam

a/ Dự báo xu hướng sản xuất

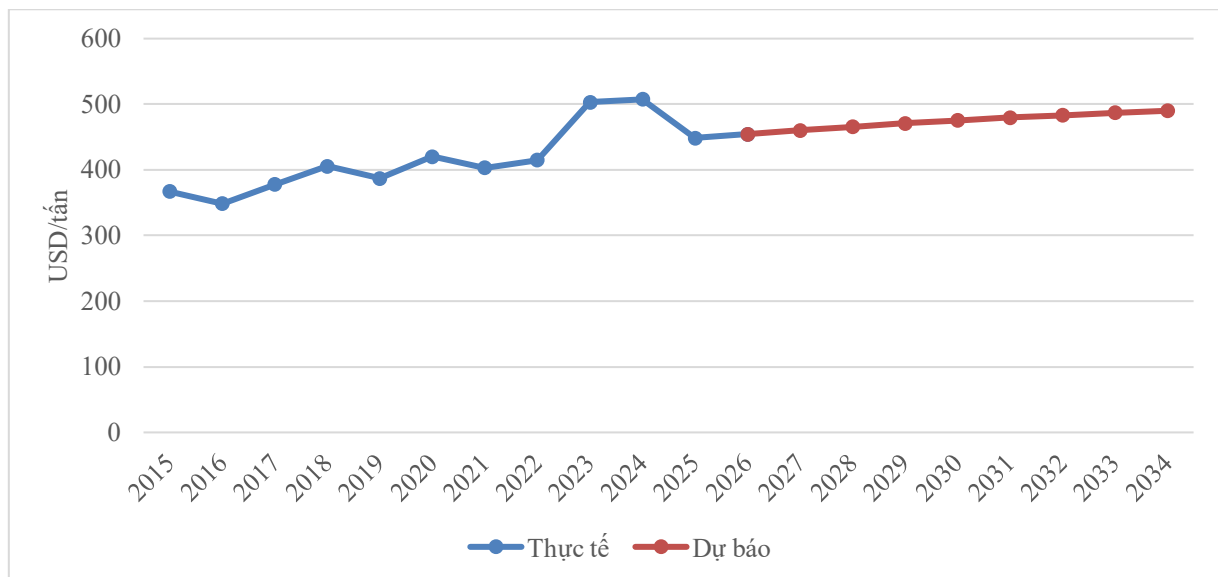
Theo USDA, sản lượng gạo của Việt Nam niên vụ 2025/2026 được dự báo ở mức 26 triệu tấn, giảm 2,8% so với niên vụ trước.

*b/ Dự báo xuất khẩu*

USDA dự báo xuất khẩu gạo của Việt Nam niên vụ 2025/2026 ở mức 7,9 triệu tấn, giảm 3,7% so với niên vụ trước, do cạnh tranh gia tăng đến từ các quốc gia xuất khẩu khác như Ấn Độ, Pakistan, Myanmar,...

4.3. Dự báo tình hình giá gạo năm 2026

Theo OECD, giá gạo thế giới năm 2026 sẽ tăng khoảng 1,3% so với năm 2025, cụ thể từ mức 448,6 USD/tấn lên mức 454,4 USD/tấn. Giá gạo thế giới sẽ tiếp tục đà tăng trưởng cho tới năm 2034.

Hình 16: Dự báo giá gạo thế giới từ 2015 đến 2034

Nguồn: OECD, 2025



Bản tin được tổng hợp từ các nguồn:

- | | |
|---|---|
| [1]. Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ | https://www.usda.gov |
| [2]. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế | https://www.oecd.org/ |
| [3]. Cục Hải Quan | https://www.customs.vn |
| [4]. Cục Thống kê | https://www.nso.gov.vn/ |
| [5]. Cổng thông tin điện tử Chính phủ | https://chinhphu.vn/ |
| [6]. Bộ Nông nghiệp & Môi trường | http://www.mae.gov.vn |
| [7]. Trung tâm Thông tin và Dịch vụ nông nghiệp và môi trường (AGREINFOS) | http://agro.gov.vn |

Báo cáo được thực hiện bởi **AGREINFOS**

VIỆN CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 16 Thụy Khuê, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

Email: thongtinhitruong@ipsard.gov.vn; info@agro.gov.vn

Website: <http://agro.gov.vn/>